

Bản án số: 174/2024/HS-ST
Ngày: 14-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Hoàn và bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Anh Ly, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:** ông Trần Trọng An - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024 tại Hội trường A, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 178/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2024/HSST-QĐXX ngày 03 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị L, sinh năm 1989 tại tỉnh Bình Thuận; thường trú: số B tổ H, thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; con ông Nguyễn X, sinh năm 1965 và bà Lê Thị Bích H, sinh năm 1967; có chồng tên Nguyễn Trọng Nguyên V, sinh năm 1986 (đã ly hôn) và 02 người con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2019; có 01 em sinh năm 1993; tiền án tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2023. Có mặt.

- **Bị hại:** chị Nguyễn Thị Hồng H1, sinh năm 1989; thường trú: số A, tổ D, khu phố E, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ cư trú: A17.10 chung cư T, số D, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Bà Huỳnh Tuyết N, sinh năm 1980; thường trú: số D, đường B, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 1968; thường trú: số B, đường L, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1996; thường trú: thôn N, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; địa chỉ: F L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

4. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1971; thường trú: số A, đường H, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

5. Ông Lê Văn N1, sinh năm 1992; thường trú: tổ G, ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước; địa chỉ: B L, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị Hồng H2 cùng quê với Nguyễn Thị L1 19/9/2023 chị H1 thuê L đến phụ giúp việc nhà tại căn hộ A chung cư T, số D khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Sau khi đến làm việc, chị H1 giao cho L 01 xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Vespa Sprint màu đen biển số 61B2-382.13 và 01 thẻ tín dụng ngân hàng S số 4696720010782682, hạn mức 39.000.000 đồng để L đi chợ hàng ngày. Chị H1 quy định hàng ngày chi tiêu trong thẻ tín dụng không được quá 500.000 đồng, nếu phát sinh phải báo cho chị H1. Đến chiều ngày 27/9/2023, do cần tiền tiêu xài và trả nợ, L điều khiển xe mô tô Vespa Sprint biển số 61B2-382.13 đi từ căn hộ A chung cư T, số D khu phố T, phường Đ, thành phố D đến cửa hàng di động “Toàn Cầu” địa chỉ số B L, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, gặp anh Lê Văn N1 là chủ tiệm, L nhờ anh N1 rút số tiền 20.000.000 đồng từ thẻ tín dụng ngân hàng S của chị H1, anh N1 lấy thẻ quét thẻ mua hàng trị giá 20.000.000 đồng, trừ phí ngân hàng 1,8%, anh N1 đưa cho L số tiền 19.640.000 đồng. Sau khi L rút tiền, chị H1 phát hiện thẻ tín dụng bị trừ tiền nên gọi điện hỏi và yêu cầu L trả tiền. Lượn xin chị H1 một hai ngày rồi trả lại nhưng đến thời điểm bị bắt vẫn chưa trả tiền.

Đến ngày 05/10/2023, chị H1 đi vắng, L ở nhà một mình đi đến tủ bàn trang điểm ở phòng khách lấy 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, có đính đá màu xanh; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, có mặt hình chữ H; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng, có mặt gắn nhiều hạt đá; 02 cặp bông tai bằng kim loại màu vàng; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Louis Vuitton, mặt bằng kim loại màu trắng, quai bằng cao su màu xanh dương, model Q13MJ, mã số UH0618. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, L điều khiển xe mô tô Vespa Sprint biển số 61B2-382.13 đem chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Louis Vuitton, mặt bằng kim loại màu trắng, quai bằng cao su màu xanh dương, model Q13MJ, mã số UH0618 đến chi nhánh Công ty TNHH L2, địa chỉ 2 L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bán cho anh Nguyễn Mạnh C số tiền 2.500.000 đồng.

Khoảng 21 giờ ngày 06/10/2023, L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Piaggio số loại Vespa Sprint, màu đen, biển số 61B2-382.13 đến tiệm cầm đồ “X”, địa chỉ số A đường H, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh gặp chủ tiệm là anh Nguyễn Mạc T1 cầm cố xe được 22.000.000 đồng.

Ngày 07/10/2023, L đem 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, có đính đá màu xanh, 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, có mặt hình chữ H, 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng, có mặt gắn nhiều hạt đá là tài sản chiếm đoạt của chị H1 đến tiệm vàng “Đ”, địa chỉ: số D đường B, khu phố E, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh gặp chị Huỳnh Tuyết N và chị Nguyễn Thị Ngọc Y bán được 12.590.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô 02 bánh nhãn hiệu Piaggio, số loại Vespa Sprint, màu đen, số máy: M82EM5115848, số khung RP8M82514MV045219, biển số 61B2-382.13; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Louis Vuitton, mặt bằng kim loại màu trắng, quai bằng cao su màu xanh dương, model Q13MJ, mã số UH0618; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, có đính đá màu xanh, trọng lượng 1,12 chỉ; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, có mặt hình chữ H, trọng lượng 1,12 chỉ; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng, có mặt gắn nhiều hạt đá trọng lượng 2,03 chỉ.

Căn cứ bản Kết luận định giá tài sản số 180/KLĐG-HĐĐGTS ngày 20/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố D kết luận: 01 xe mô tô 02 bánh nhãn hiệu Piaggio số loại Vespa Sprint, màu đen, số máy: M82EM5115848, số khung RP8M82514MV045219, biển số 61B2-382.13 trị giá 59.000.000 đồng.

Căn cứ bản Kết luận định giá tài sản số 199/KLĐG-HĐĐGTS ngày 16/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố D kết luận: 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Louis Vuitton, mặt bằng kim loại màu trắng, quai bằng cao su màu xanh dương, model Q13MJ, mã số UH0618 trị giá 30.000.000 đồng.

Căn cứ bản Kết luận giám định số 6936/KL-KTHS ngày 16/11/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng (ký hiệu M1), khối lượng 4,2287 gam gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (A): 61,03%. 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu nâu – vàng, có mặt hình chữ H (ký hiệu M2), khối lượng 4,2130 gam gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (A): 76,41%. 01 dây chuyền bằng kim loại màu trắng (ký hiệu M3), khối lượng 5,3992 gam, gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (A): 76,67%. 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu trắng, có đính nhiều hạt đá màu trắng (ký hiệu M4), tổng khối lượng (cả đá) 2,2379 gam, gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (A): 76,27%.

Căn cứ bản Kết luận định giá tài sản số 220/BBĐG-HĐĐGTS ngày 20/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố D kết luận: 01 nhẫn bằng vàng 18k, có đính đá màu xanh, trọng lượng 1,12 chỉ trị giá 3.584.000 đồng; 01 nhẫn bằng vàng 18k, có mặt hình chữ H, trọng lượng 1,12 chỉ trị giá 3.584.000 đồng; 01 sợi dây chuyền bằng vàng trắng 18k, có mặt gắn nhiều hạt đá trọng lượng 2,03 chỉ trị giá 6.699.000 đồng; 01 đôi bông tai bằng vàng 18k trọng lượng 01 chỉ trị giá 3.200.000 đồng; 01 đôi bông tai bằng vàng 18k trọng lượng 01 chỉ trị giá 3.200.000 đồng. Tổng trị giá 20.267.000 đồng.

Tại cáo trạng số 146/CT – VKS - DA ngày 27 tháng 5 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L mức án từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L mức án từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù.

Xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 xe mô tô 02 bánh nhãn hiệu Piaggio số loại Vespa Sprint, màu đen, số máy: M82EM5115848, số khung RP8M82514MV045219, biển số 61B2-382.13; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Louis Vuitton, mặt bằng kim loại màu trắng, quai bằng cao su màu xanh dương, model Q13MJ, mã số UH0618; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, có đính đá màu xanh, trọng lượng 1,12 chỉ; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, có mặt hình chữ H, trọng lượng 1,12 chỉ; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng, có mặt gắn nhiều hạt đá trọng lượng 2.03 chỉ cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Hồng H1.

Đối với anh Nguyễn Mạc T1, chủ tiệm cầm đồ Xuân A nhận cầm cố xe mô tô hiệu Piaggio số loại Vespa Sprint, màu đen, biển số 61B2-382.13 với số tiền 22.000.000 đồng, anh T1 không biết xe do L phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý hình sự. Tuy nhiên anh T1 biết là xe không chính chủ nhưng đồng ý nhận cầm cố. Căn cứ điểm 1 khoản 3 điều 12 Nghị định 144/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, xử phạt anh Nguyễn Mạc T1 7.500.000 đồng.

Đối với chị Huỳnh Tuyết N và chị Nguyễn Thị Ngọc Y mua vàng của bị cáo L, không biết tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D không xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: chị Nguyễn Thị Hồng H1 yêu cầu bị cáo L bồi thường giá trị 02 đôi bông tai là 6.400.000 đồng và số tiền 20.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Ngọc Y không yêu cầu bị cáo L bồi thường 12.590.000 đồng. Anh Nguyễn Mạnh C yêu cầu bị cáo L bồi thường 2.500.000 đồng. Anh Nguyễn Mạc T1 yêu cầu bị cáo L bồi thường 22.000.000 đồng. Thiệt hại của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là do lỗi của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị L không tranh luận, đối đáp gì. Tại phần nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại cơ quan điều tra, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo trong quá trình tố tụng, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Nguyễn Thị L làm giúp việc cho chị Nguyễn Thị Hồng H1 tại căn hộ A chung cư T, số D khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Ngày 05/10/2023, lợi dụng chị H1 vắng nhà, L đã lén lút chiếm đoạt tài sản gồm: 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, có đính đá màu xanh; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, có mặt hình chữ H; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng, có mặt gắn nhiều hạt đá; 02 cặp bông tai bằng kim loại màu vàng; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Louis Vuitton, mặt bằng kim loại màu trắng, quai bằng cao su màu xanh dương, model Q13MJ, mã số UH0618, có tổng trị giá 50.267.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị L, đã đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Ngoài ra, L được chị Nguyễn Thị Hồng H1 giao xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Vespa Sprint màu đen, biển số 61B2-382.13 và giấy tờ xe để quản lý sử dụng; 01 thẻ tín dụng ngân hàng S số 4696720010782682, hạn mức 39.000.000 đồng để đi chợ. Chị H1 quy định hàng ngày chi tiêu trong thẻ tín dụng không được quá 500.000 đồng, nếu phát sinh phải báo lại cho chị H1. Ngày 27/9/2023, L tự ý rút số tiền 20.000.000 đồng trong thẻ tín dụng để tiêu xài cá nhân. Đến ngày 06/10/2023 L đem xe mô tô đến tiệm cầm đồ “Xuân Anh”, địa chỉ số A đường H, phường E, quận A, thành phố Hồ Chí Minh gặp chủ tiệm là anh Nguyễn Mạc T1, cầm cố được xe 22.000.000 đồng, trị giá xe mô tô là 59.000.000 đồng. Hành vi của Nguyễn Thị L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Cáo trạng số 146/CT – VKS - DA ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đầu thú là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[8] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự.

[9] Trách nhiệm dân sự:

Tài sản bị chiếm đoạt gồm: 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, có đính đá màu xanh; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, có mặt hình chữ H; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng, có mặt gắn nhiều hạt đá; 02 cặp bông tai bằng kim loại màu vàng; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Louis Vuitton, mặt bằng kim loại màu trắng, quai bằng cao su màu xanh dương, model Q13MJ, mã số UH0618, có tổng trị giá 50.267.000đồng; xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Vespa Sprint màu đen, biển số 61B2-382.13; trị giá 59.000.000 đồng và số tiền 20.000.000 đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã trả xe xe mô tô 02 bánh nhãn hiệu Piaggio số loại Vespa Sprint, màu đen, số máy: M82EM5115848, số khung RP8M82514MV045219, biển số 61B2-382.13; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Louis Vuitton, mặt bằng kim loại màu trắng, quai bằng cao su màu xanh dương, model Q13MJ, mã số UH0618; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, có đính đá màu xanh, trọng lượng 1,12 chỉ; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, có mặt hình chữ H, trọng lượng 1,12 chỉ; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng, có mặt gắn nhiều hạt đá trọng lượng 2.03 chỉ cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Hồng H1. Chị Nguyễn Thị Hồng H1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị 02 cái nhẫn trị giá 6.400.000 đồng và 20.000.000 đồng rút từ thẻ tín dụng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý trả số tiền trên cho bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Anh Nguyễn Mạc T1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 22.000.000 đồng tiền cầm cố xe mô tô 02 bánh nhãn hiệu Piaggio số loại Vespa Sprint, màu đen, số máy: M82EM5115848, số khung RP8M82514MV045219, biển số 61B2-

382.13. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý trả số tiền trên cho anh T1 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Anh Nguyễn Mạnh C yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.500.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý trả số tiền trên cho anh C nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Chị Nguyễn Thị Ngọc Y không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 12.590.000 đồng, đây là sự tự nguyện của chị Y nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Đối với anh Nguyễn Mạc T1, chủ tiệm cầm đồ Xuân A nhận cầm cố xe mô tô hiệu Piaggio số loại Vespa Sprint, màu đen, biển số 61B2-382.13 với số tiền 22.000.000 đồng, anh trình không biết xe do L phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý hình sự. Tuy nhiên anh T1 biết là xe không chính chủ nhưng đồng ý nhận cầm cố. Căn cứ điểm 1 khoản 3 điều 12 Nghị định 144/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính Phủ Quy định Xử phạt Vi phạm hành chính trong lĩnh vực An ninh, trật tự, an toàn xã hội; Phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; Cứu nạn, cứu hộ; Phòng, chống bạo lực gia đình. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, xử phạt anh Nguyễn Mạc T1 7.500.000 đồng là phù hợp.

[11] Đối với chị Huỳnh Tuyết N và chị Nguyễn Thị Ngọc Y mua vàng của bị cáo L, không biết tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D không xử lý là phù hợp.

[12] Mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[13] Án phí sơ thẩm: bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội trộm cắp tài sản và tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của 02 tội là 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 357, 468, 584, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Bị cáo Nguyễn Thị L có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền 26.400.000 (hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị L có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Mạc T1 số tiền 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị L có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Mạnh C số tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày, người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, Nguyễn Thị L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị L phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.545.000 (hai triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Công an thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA dân sự thành phố Dĩ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKS nhân dân tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hiền

- Luru: VT, HS.